

Bản án số: 26/2024/HNGĐ–ST
Ngày: 29/3/2024.
V/v: “*Tuyên bố không công nhận
quan hệ vợ chồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Ba.

2/ Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 868/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST–HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

– Nguyên đơn: Ông Huỳnh Bửu T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 3, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

– Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân C, sinh năm 1972.

Địa chỉ thường trú: Tổ 4, ấp 3, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ nơi sinh sống: Nhà trọ Tư Lành – Hộ bà Phạm Thị Lệ Nga, phòng số 2, Tổ 6, ấp 3, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T, bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Huỳnh Bửu T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Xuân C là vợ chồng sống chung với nhau tự nguyện từ năm 1992 tại xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng, thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung về mọi lĩnh vực nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng tự

hòa giải đoàn tụ nhiều lần, nhưng không thành. Từ năm 2018 đến nay, bà C dọn đi nơi khác sinh sống, vợ chồng ly thân đến nay.

Ông xác định không còn tình cảm với bà C, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông và bà C là vợ chồng.

– Về con chung: Đã trưởng thành.

– Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý lý vụ án, các văn bản tố khác, triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng bà C vắng mặt, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Bửu T và bà Nguyễn Thị Xuân C.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân C sinh sống tại Nhà trọ Tư Lành – Hộ bà Phạm Thị Lệ Nga, phòng số 2, Tổ 6, ấp 3, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bà C vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông T, bà C.

– Về quan hệ hôn nhân:

Ông T và bà C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Cạn và xã Long An, huyện Long Thành, xác nhận ông T và bà C chung sống như vợ chồng từ năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn, đã vi phạm khoản 1 Điều

11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên không được xem là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ Điểm b mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT, hướng dẫn thi hành Nghị quyết 35/2000/QH10, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà C.

– Về con chung: Đã trưởng thành, không xem xét.

– Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 11; Điều 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Huỳnh Bửu T và bà Nguyễn Thị Xuân C.

Về con chung: Đã trưởng thành, không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông Huỳnh Bửu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, đã nộp theo biên lai thu số 0008017 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, ông T đã nộp xong.

Ông Huỳnh Bửu T và bà Nguyễn Thị Xuân C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã Bàu Cạn và Long An;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thùy Trang